**Mẫu số 22 - Phụ lục 2. Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ …** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tọa độ các điểm khép góc**

|  |  |
| --- | --- |
| Điểm góc | Hệ VN 2000, kinh tuyến trục…múi chiếu… |
| X(m) | Y(m) |
| 12… |  |  |
| Diện tích: … ha |

Khung tọa độ | **BẢN ĐỒ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**(tên khoáng sản)…..tại khu vực (mỏ)…., xã….., huyện…., tỉnh….(Kèm theo Giấy phép thăm dò số......./GP-BTNMT/UBND ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố …)Nền địa hìnhRanh giới khu vực thăm dò

|  |  |
| --- | --- |
| Người thành lậpTỷ lệ:….. (Ký, họ tên) | Tổ chức, cá nhân thành lập(Ký, đóng dấu) |

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ...,kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu...” | CHỈ DẪN |